

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Về việc: Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trịnh Văn Điệp

Ông: Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 12, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 22/4/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân 6 tháng nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 03 người con chung tên Trần Mỹ D, sinh ngày 14/9/2014; Trần Bảo K, sinh ngày 19/5/2016 và Trần Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 cháu D và cháu K ở với anh P, còn cháu C hiện nay chị đang nuôi dạy, nay chị đồng ý giao cháu D và cháu K cho anh P nuôi dạy, chị yêu cầu nuôi cháu C, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn P trình bày tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2020:

Qua lời trình bày của vợ anh Nguyễn Thị L trình bày là đúng, về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, con chung có ba đứa hiện nay anh đang nuôi dạy 02 cháu cháu D và cháu K, cháu C hiện nay vợ anh đang nuôi dạy, nguyên nhân mâu thuẫn như vợ trình bày là đúng, về tài sản chung, nợ chung không có, Nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý, con yêu cầu nuôi cháu D và cháu K, đồng ý giao cháu C cho vợ nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung nợ chung không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn P có nơi trú tại ấp 12A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn P, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn, anh P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn P có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn P kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Tại biên bản hòa giải chị L và anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh P Do anh P và chị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị L và anh P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị L và anh P thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận anh P và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 03 người con chung Trần Mỹ D, sinh ngày 14/9/2014; Trần Bảo K, sinh ngày 19/5/2016, Trần Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 cháu D và cháu K hiện nay sống với anh P, cháu C hiện nay sống với chị L.

Xét, con chung tên Trần Mỹ D, sinh ngày 14/9/2014; Trần Bảo K, sinh ngày 19/5/2016, sống chung với anh P hiện đang đi học nên gần gũi với anh P, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt, cháu Trần Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 hiện nay sống với chị L ổn định về phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận tự nguyện giữa chị L và anh P, giao cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 14/9/2014; Trần Bảo K, sinh ngày 19/5/2016 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Trần Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 cho chị L nuôi dạy đến tuổi trưởng thành, anh P và chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị L và anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 14/9/2014; Trần Bảo K, sinh ngày 19/5/2016 cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Trần Bảo C, sinh ngày 23/5/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị L và anh P không có nghĩa vụ cấp

đưỡng. Chị L và anh P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 20/4/2020 theo biên lai số 0003496 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Đông, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thanh Thủy